TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2022/DS-ST.
Ngày: 25/9/2022
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Tuấn
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Hoàng
Ông Bùi Thế Hanh

Thư ký phiên toà: Ông Đặng Ngọc Lâm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên toà: ÔngLê Đình Duy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25/9/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 61/TLST- DS ngày 08/4/2022 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2022/QĐXXST-DS ngày 08/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 107/2022/QĐST-DS ngày 08/9/2022 của tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Quách Thị L, sinh năm 1968 – Có mặt
Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1968 – Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đều nơi cư trú: Thôn Gò Pháo, xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn*:*

Ông Trần Văn T – Luật sư Văn phòng luật sư Đồng Tâm & Cộng sự đoàn Luật sư tỉnh Bắc Giang. Có mặt

- ***Bị đơn:*** Anh Ngô Văn K, sinh năm 1977 – Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn Cẩm Trang, xã Mai Trung, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Chị Ngô Thị L1, sinh năm 1981 – Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn Cẩm Trang, xã Mai Trung, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn bà Quách Thị L trình bày: Do có mối quan hệ quen biết với vợ chồng anh Ngô Văn K, chị Ngô Thị L1 là người cùng quê với chồng bà L là ông Nguyễn Văn M. Ngày 20/01/2020 anh K có đến gia đình bà hỏi vay tiền để làm ăn, từ mối quan hệ đó vợ chồng bà L, ông M đồng ý cho anh

K, chị L1 vay. Theo giấy vay nợ viết tay đề ngày 20/01/2020 do anh K viết tay là người viết giấy vay nợ, số tiền vay là 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng). Theo thỏa thuận hai bên không thỏa thuận ngày trả, chỉ thảo thuận khi nào bà L, ông M đòi thì trả, lãi xuất thỏa thuận là 0,1%/tháng. Khi cần tiền bà L, ông M đến nhà anh K, chị L1 đòi nhiều lần nhưng anh K, chị L1 khất nhiều lần và thường xuyên trốn tránh không gặp mặt.

Bà L, ông M làm đơn khởi kiện yêu Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa buộc anh Ngô Văn K và chị Ngô Thị L1 liên đới trả cho bà L, ông M số tiền đã vay là 120.000.000 đông (Một trăm hai mươi triệu đồng) và tính lãi suất theo thỏa thuận 0,1%/ tháng theo thỏa thuận trong giấy vay nợ, thời gian tính lãi suất từ khi vay ngày 20/01/2020 đến ngày 25/9/2022, đồng thời yêu cầu anh K, chị L1 phải tiếp tục trả lãi cho vợ chồng tôi từ ngày 25/9/2022 cho đến khi trả xong nợ theo quy định pháp luật.

Ông Nguyễn Văn M *(chồng bà L) vắng mặt nhưng có bản tự khai trình bày:* Ngày 20/01/2020 anh K có vay của vợ chồng ông số tiền theo giấy vay nợ viết tay đề ngày 20/01/2020 do anh K là người viết giấy vay nợ, số tiền vay là 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng). Theo thỏa thuận hai bên không thỏa thuận ngày trả, chỉ thảo thuận khi nào bà L, ông M đòi thì trả, lãi xuất thỏa thuận là 0,1%/tháng. Khi cần tiền bà L, ông M đến nhà anh K, chị L1 đòi nhiều lần nhưng anh K, chị L1 khất nhiều lần và thường xuyên trốn tránh không gặp mặt.

Ông M, bà L làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa buộc anh Ngô Văn K và chị Ngô Thị L1 liên đới trả cho bà L, ông M số tiền đã vay là 120.000.000 đông (Một trăm hai mươi triệu đồng) và tính lãi suất theo thỏa thuận 0,1%/ tháng theo thỏa thuận trong giấy vay nợ, thời gian tính lãi suất từ khi vay ngày 20/01/2020 đến ngày 25/9/2022, đồng thời yêu cầu ôanh K, chị L1 phải tiếp tục trả lãi cho vợ chồng tôi từ ngày 25/9/2022 cho đến khi trả xong nợ theo quy định pháp luật.

Hiện nay do công việc bận nên ông đề nghị tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa cho phép tôi được vắng mặt trong các phiên họp, phiên xét xử tại tòa án.

Bị đơn là anh Ngô Văn K, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Ngô Thị L1 đã được Tòa án xác M tại địa phương xác định vợ chồng anh K, chị L1 vẫn thường xuyên ở nhà, sáng đi làm, tối về nên đã niêm yết thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng hợp lệ tại gia đình anh K, chị L1 tại thôn Cảm Trang, xã Mai Trung và UBND xã Mai Trung nhưng anh K, chị L1 không khai báo, không gửi văn bản, ý kiến của mình cho Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay bà L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh K, chị L1 có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà L, ông M số tiền 120.000.000 đồng và tính lãi suất 0,1/% tháng tính từ ngày vay 20/01/2020 đến ngày 25/9/2022 và tiếp tục chịu lãi suất theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn là bà Quách

Thị L, ông Nguyễn Văn M đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; Bị đơn là anh Ngô Văn K, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Ngô Thị L1 không chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về ý kiến giải quyết vụ án:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thi miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Quách Thị L, ông Nguyễn Văn M.

Buộc anh Ngô Văn K, chị Ngô Thị L1 phải liên đới trả cho bà bà Quách Thị L, ông Nguyễn Văn M số tiền là 123.844.000đ (Trong đó có 120.000.000đ tiền gốc và 3.844.000 đồng tiền lãi);

Về án phí: Anh Ngô Văn K và chị Ngô Thị L1 liên đới phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà Quách Thị L, ông Nguyễn Văn M không phải chịu án phí DSST.

Đề nghị tuyên quyền kháng cáo cho đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: căn cứ và nội dung đơn khởi kiện và tài liệu do các bên xuất trình HĐXX xác định: Vụ án tranh chấp giữa bà Quách Thị L, ông Nguyễn Văn M và anh Ngô Văn K, chị Ngô Thị L1 được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Anh Ngô Văn K, chị Ngô Thị L1 có hộ khẩu thường trú tại thôn Cẩm Trang, xã Mai Trung, huyện Hiệp Hòa tỉnh Bắc Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa theo quy định tại Điều 26; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

Về sự có mặt của các đương sự: Đối với anh Ngô Văn K, chị Ngô Thị L1 đã được Tòa án thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng niêm yết, tuy nhiên anh K, chị L1 không có ý và gửi văn bản ý kiến của mình cho Tòa án. Mặt khác Tòa án đã thông báo cho anh K, chị L1 về các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 207, 208 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt. Do vậy Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và tống đạt niêm yết hợp lệ cho anh K, chị L1, tuy nhiên ngày 08/9/2022 anh K, chị L1 vẫn vắng mặt, Tòa án đã Quyết định hoãn phiên tòa ngày 08/9/2022, tại phiên tòa hôm nay anh K, chị L1 đã được tống đạt niêm yết hợp lệ lần thứ hai vẫn văng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227; 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án.

[2.] Về nội dung vụ án:

Hội đồng xét xử xét thấy việc bà Quách Thị L, ông Nguyễn Văn M khởi kiện yêu cầu anh Ngô Văn K, chị Ngô Thị L1 phải có trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng bà L, ông M số tiền đã vay là 120 triệu đồng cùng lãi suất là tiền có căn cứ. Theo chứng cứ bà L, ông M trình là 01 giấy vay tiền đề 20/01/2020 thể hiện anh K có vay của bà L, ông M số tiền 120.000.000 đồng, vay không thời hạn trả, lãi suất

theo thỏa thuận là 0,1%/tháng, tại phiên tòa bà L cam kết toàn bộ chữ viết và chữ ký trong giấy vay tiền là chữ của anh K. HĐXX xác định ngày 20/01/2020 bà L, ông M và anh K có xác lập một hợp đồng vay tiền là hợp đồng vay có lãi và không có kỳ hạn. Do anh K không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ nên bà L, ông M có quyền yêu cầu anh K, chị L1 phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền gốc và lãi cho bà L, ông M là đúng theo quy định của pháp luật.

Thời gian vay được tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm là:

32 tháng 05 ngày x 120.000.000đ x 0,1%/tháng = 3.844.000 đồng.

Số tiền gốc và lãi anh K, chị L1 có nghĩa vụ liên đới phải trả cho bà L, ông M là: 123.844.000.

[3] Về án phí: Anh Ngô Văn K, chị Ngô Thị L1 liên đới chịu án khi dân sự sơ thẩm. Bà L, ông M không phải chịu án phí DSST.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thi miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Quách Thị L, ông Nguyễn Văn M.

Buộc anh Ngô Văn K, chị Ngô Thị L1 phải liên đới trả cho bà bà Quách Thị L, ông Nguyễn Văn M số tiền là 123.844.000 đồng (Một trăm hai mươi ba triệu tấm trăm bốn mươi bốn nghìn đồng), (Trong đó có 120.000.000 đồng tiền gốc vay và tiền lãi là 3.844.000 đồng tiền lãi);

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Anh Ngô Văn K, chị Ngô Thị L1 liên đới phải chịu 6.192.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm; bà L, ông M không phải chịu án phí DSST. Hoàn trả bà L, ông M số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại hai biên lai thu số là: 0007954 ngày 07 tháng 4 năm 2022 là 1.200.000đ và tại biên lai thu số: 0007956 ngày 08 tháng 4 năm 2022 là 1.800.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Nguyên Xuân Hoàng – Bùi Thế Hanh	**Nguyễn Văn Tuấn**